

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 18/7/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố MT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Thanh H**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 14/34A Đinh Bộ L, phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lữ Thị H1**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 14/34A Đinh Bộ L, phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/4/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phan Thanh H trình bày: Anh và chị Lữ Thị H1 đã sống chung với nhau từ năm 2002, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 27/6/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa chỉ: Số 14/34A Đinh Bộ L, phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2015 mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột gay gắt, cuộc sống không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn tiếng nói chung, từ cuối năm 2015 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Phan Thanh P, sinh ngày 11/11/2003 và Phan Khánh V, sinh ngày 19/9/2012. Hai cháu sống chung với anh tại địa chỉ 14/34A Đinh Bộ L, Phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Đến tháng 4/2019, thì chị H1 về dẫn cháu P lên Bình Dương đi làm, hiện nay cháu P đã lên Bình Dương đi làm và đang sống chung với chị H1 ở nhà trọ tại tỉnh Bình Dương và cháu P có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nên anh đồng ý để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lữ Thị H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H1 vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Chị H1 vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị H1 là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chị H1 không đến dự phiên tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc yêu cầu ly hôn, nuôi con của anh H. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn giữa hai anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở đề nghị chấp nhận; về con chung của anh chị là cháu Phan Thanh P và Phan Khánh V, hiện nay cháu V đang sống với anh H, còn cháu P sống chung với chị H1, để ổn định cuộc sống sinh hoạt của các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh H, giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị H1 nuôi dưỡng, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: anh H khai không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét. Những yêu cầu khắc phục vi phạm tố tụng không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lữ Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H1.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Anh Phan Thanh H và chị Lữ Thị H1 có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 27/6/2014, nên hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu được ly hôn với chị H1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh và chị H1 là cháu Phan Khánh V, sinh ngày 19/9/2012, anh đồng ý giao cháu Phan Thanh P, sinh ngày 11/11/2003 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai không phải đóng góp nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của anh Phan Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh H và chị H1 kết hôn năm 2014, anh H trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xung đột gay gắt, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh, chị đã ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, không thể đoàn tụ được. Xét thấy, trong thời gian ly thân rất dài, nhưng anh H, chị H1 không có biện pháp nào đoàn tụ. Chị H1 thì không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H và vắng mặt không dự phiên tòa để trình bày ý kiến và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy, hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Phan Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Lữ Thị H1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên: Phan Thanh P, sinh ngày 11/11/2003 và Phan Khánh V, sinh ngày 19/9/2012. Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phan Khánh V, anh đồng ý giao cháu P cho chị H1 nuôi dưỡng, cả hai không phải đóng góp nuôi con.

Xét, cháu Phan Thanh P, sinh ngày 11/11/2003 và Phan Khánh V, sinh ngày 19/9/2012, anh H trình bày sau khi ly thân thì các cháu sống chung với anh, nhưng từ tháng 9/2018 cháu P sống chung với chị H1 ở tỉnh Bình Dương, cháu P có nguyện vọng được sống chung với mẹ, nên anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, anh đồng ý giao cháu P cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng, cả hai không phải đóng góp nuôi con. Chị H1 thì không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị H1 nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu P và phù hợp quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, cả hai anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H, chị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phan Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Thanh H và chị Lữ Thị H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Khánh V, sinh ngày 19/9/2012 cho anh Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phan Thanh P, sinh ngày 11/11/2003 cho chị Lữ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H, chị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Anh Phan Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014074 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như anh H nộp xong án phí.

4. Anh Phan Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lữ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- UBND phường 8, TP.MT, Tiền Giang;
- Các đương sự:
 - + Anh Phan Thanh H;
 - + Chị Lữ Thị H1;
- Lưu hồ sơ vụ án-.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Sang